

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST
Ngày 18 - 7 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Thắng

2. Ông Lê Văn Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Doãn PH Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/7/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 (có mặt)

ĐKKHKT: Thôn S, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là thôn S, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Lê Thế Đ, sinh năm 1984 (có mặt)

ĐKKHKT: Thôn S, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là thôn S, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2025, bản tự khai ngày 12/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thế Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/9/2013. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Anh Đ chơi bời, không tu

chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Chị khuyên ngăn nhưng thì anh Đ chửi bới. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thế Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 2 con chung là Lê Thế A, sinh ngày 01/10/2007 và Lê Thị Linh Đ1, sinh ngày 30/8/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh Đ bắt 2 con phải ở bên nội. Tuy nhiên 2 con vẫn đi lại với mẹ vì 2 gia đình nội ngoại gần nhau. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty giày da K, có địa chỉ tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là xã C, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ, đủ điều kiện nuôi 2 con. Từ trước đến nay toàn bộ việc nuôi con ăn học là do chị đảm nhiệm. Nguyên vọng của chị khi ly hôn xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 12/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thế Đ trình bày:* Anh và chị Lê Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, được hai bên gia đình gia đình đồng ý, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống đến đầu năm 2024 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là xuất phát từ kinh tế, dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại. Ngoài ra còn xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên gia đình thông gia. Vợ chồng đã tìm cách khắc phục, hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 5/2024 chị H đã về nhà ngoại ở cho đến nay. Quá trình chị H ở bên ngoại anh vẫn thường xuyên qua lại ngủ qua đêm, tình cảm vợ chồng bình thường. Nay chị H xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung như chị H trình bày. Từ khi vợ chồng sống ly thân 2 con chủ yếu ở với anh và đi lại với mẹ vì hai bên gia đình ở gần nhau. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi 2 con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm công ty TNHH Một thành viên T, có địa chỉ tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là xã C, tỉnh Thanh Hóa. Thu nhập mỗi tháng là 9.000.000đ, đủ điều kiện nuôi 2 con. Từ trước đến nay việc nuôi con ăn học là do vợ chồng cùng đảm nhiệm.

Về tài sản và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Chị Lê Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Lê Thế Đ. Về con chung: Do cháu Lê Thị Linh Đ1 còn nhỏ, là con gái nên chị H xin được nuôi cháu Lê Thị Linh Đ1 còn giao cháu Lê Thế A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ trình bày: Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế nhưng đến nay anh đã tự thu xếp được. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Về con chung: Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi 2 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại buổi hòa giải.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh Đ.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Linh Đ1, sinh ngày 30/8/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Thế A, sinh ngày 01/10/2007 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Thế Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là thôn S, xã C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lê Thế Đ dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn về kinh tế. Chị H và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh Đ có 2 con chung là Lê Thế A, sinh ngày 01/10/2007 và Lê Thị Linh Đ1, sinh ngày 30/8/2014. Hiện nay 2 con đang ở với anh Đ. Khi ly hôn chị H cam đoan có đủ điều kiện nuôi con và chị xin được nuôi 2 con. Tuy nhiên, anh Đ cũng có nguyện vọng xin được nuôi 2 con nên chị H thay đổi nguyện vọng xin được nuôi cháu Lê Thị Linh Đ1 còn anh Đ nuôi cháu Lê Thế A. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị H và anh Đ là chính đáng. Xét về điều kiện nuôi con của chị H và anh Đ thì thấy chị H và anh Đ đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con. Hai bên gia đình nội ngoại ở gần nhau, nên các cháu vẫn đi lại cả 2 bên. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Lê Thị Linh Đ1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Thế A cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị H và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Thế Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Linh Đ1, sinh ngày 30/8/2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Thế A, sinh ngày 01/10/2007 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị H và anh Lê Thế Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa theo biên lai thu số 0005493 ngày 09/5/2025. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị H và anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã V
 nay là UBND xã C;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

